

Số:3518 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 04 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện
một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố
trong lĩnh vực xuất nhập khẩu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 4797/TTr-SCT ngày 22/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương Hải Phòng thực hiện 07 nhiệm vụ trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố (theo quy định tại Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22/7/2026 của Chính Phủ) cụ thể tại phụ lục kèm theo.

1. Phạm vi ủy quyền: Thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

2. Thời hạn ủy quyền:

- Đối với Nội dung ủy quyền số 5, 6, 7 tại Phụ lục kèm theo: Thời hạn ủy quyền từ ngày quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 01/3/2027.

- Đối với các nhiệm vụ còn lại tại Phụ lục kèm theo: Thời hạn ủy quyền từ ngày quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2028.

3. Cách thức thực hiện: Giám đốc Sở Công Thương tổ chức triển khai thực hiện các nội dung được ủy quyền theo đúng phạm vi và thời hạn ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; bảo đảm các điều kiện về nguồn nhân lực, tài chính để tổ chức thực hiện việc ủy quyền.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05/9/2026.

- Bãi bỏ các nhiệm vụ có số thứ tự 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 60 tại Mục III Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 3819/QĐ-UBND ngày 20/9/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trên và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- CT; các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD&CT, NV&KTGS;
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, B.Đ.Hùng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ THUỘC THẨM QUYỀN
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRONG LĨNH VỰC
XUẤT NHẬP KHẨU ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	NỘI DUNG ỦY QUYỀN	GHI CHÚ
1	Cấp, thu hồi CFS đối với hàng hóa xuất khẩu quy định tại mục 4 Phụ lục IV Danh mục hàng hóa và thẩm quyền quản lý Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) kèm theo Nghị định số 292/2026/NĐ-CP	
2	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất đối với hàng hóa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Luật Quản lý ngoại thương, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 14 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP	
3	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập đối với hàng hóa thuộc diện quản lý bằng biện pháp cấm xuất khẩu; tạm ngừng xuất khẩu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Quản lý ngoại thương, trừ các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 17 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP	
4	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu đối với hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Quản lý ngoại thương, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP	
5	Cấp Giấy phép quá cảnh hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh theo quy định pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương và khoản 4 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ	
6	Cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy phép quá cảnh	
7	Gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương và khoản 5 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ.	